

QUAN HỆ MỸ - ASEAN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Nguyễn Thị Thanh Thủy*

1. Những yếu tố chi phối quan hệ Mỹ - ASEAN

1.1. Chính sách của Mỹ và ASEAN

Trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, vị trí của Đông Nam Á trong chiến lược an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền của Tổng thống Bill Clinton (1992 - 2000) giảm dần. Biểu hiện rõ nhất qua việc Mỹ từng bước cắt giảm sự hiện diện về quân sự trong khu vực. Năm 1992, Mỹ rút hết quân khỏi hai căn cứ quân sự lớn ở Philippines là Subic và Clark cũng như các lực lượng tác chiến thường trực trong khu vực. Nhìn chung, vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á trong thời kỳ này không được đề cao như đối với châu Âu và Đông Á, mặc dù Mỹ vẫn tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF).¹ Chính quyền của Tổng thống George W. Bush (2001 - 2008) là chính quyền Mỹ đầu tiên trong thế kỷ XXI. Ngay khi Bush chính thức cầm quyền tháng 1/2001, Đông Nam Á cũng chưa nổi bật trong những ưu tiên trong chiến lược an ninh châu Á - Thái Bình

* Tiến sỹ, Chủ nhiệm Bộ môn Châu Mỹ học, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹ Tham khảo *A National Security Strategy for a New Century*, U.S. President, Executive Office, National Security Council Report, December 1999; *The United States Security Strategy for the East Asia-Pacific Region*, Department of Defense, Office of International Security Affairs, November 1998.

Dương của chính quyền Bush. Sự kiện Mỹ bị tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 chính là bước ngoặt quan trọng tác động tới chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á. Trong Thông điệp Liên bang ngày 29/1/2002, Tổng thống Bush tuyên bố Mỹ sẽ tiến hành cuộc chiến tranh chống lại tất cả các lực lượng khủng bố trên thế giới, trong đó có Đông Nam Á. Các lực lượng khủng bố được chính quyền Bush xác định là những nhóm Hồi giáo cực đoan có quan hệ với tổ chức Al Qaeda của Bill Laden. Theo quan điểm của Tổng thống Bush, việc tiến công các lực lượng khủng bố trên thế giới chính là bảo vệ an ninh của nước Mỹ bằng “những hành động mạnh mẽ ở nước ngoài”.¹ Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ được đưa ra tháng 9/2002 tiếp tục xác định ASEAN là một trong những thể chế khu vực ở châu Á mà Mỹ cần phải hợp tác chặt chẽ trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu.² Trong chính sách chống khủng bố của Mỹ, Đông Nam Á được coi là mặt trận thứ hai trong cuộc chiến này. Đây chính là cơ sở cho sự gia tăng can dự của Mỹ vào Đông Nam Á và cũng làm cho Đông Nam Á có vị trí mới trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong quan hệ với các nước ASEAN, chính quyền Bush tiến hành ký kết một số văn kiện hợp tác song phương và tham gia các diễn đàn đối thoại cũng như các cuộc hội đàm song phương Mỹ - ASEAN. Trong số các diễn đàn đối thoại với ASEAN, Mỹ coi ARF là quan trọng nhất. Theo đánh giá của Mỹ, ARF là “một diễn đàn ngày càng hiệu quả trong việc trao đổi quan điểm và xây dựng hợp tác an ninh khu vực... ngày càng hữu ích để thúc đẩy hành động chung tìm cách tăng cường quan hệ giữa Mỹ và ASEAN, nâng cao hợp tác trên hàng loạt những vấn đề xuyên quốc gia trọng yếu, từ việc bảo vệ sở

¹ President George Bush: *State of the Union Address*, The United States Capitol, Washington D.C., 29 January, 2002.

² *The National Security Strategy of the United States of America*, The White House, Washington D.C., 17 September, 2002.

hữu trí tuệ đến quản lý thiên tai và chống khủng bố”.¹ Như vậy, diễn đàn ARF được đề cao trong chính sách hợp tác của Mỹ với các nước ASEAN trên nhiều lĩnh vực.

Về phía các nước ASEAN, Mỹ là một đối tác trong nhiều năm của tổ chức này. Việc ASEAN kết nạp thêm các thành viên mới không làm thay đổi chính sách hợp tác với Mỹ của ASEAN. Kể từ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, ASEAN tăng cường hợp tác an ninh với Mỹ, thể hiện qua việc ký kết một số văn kiện hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, ASEAN cũng đã ký với Mỹ một số văn kiện hợp tác trên các lĩnh vực khác. Trong số các văn kiện đã ký kết, đáng chú ý là Tuyên bố chung Mỹ - ASEAN về tăng cường mối quan hệ đối tác, được ký ngày 18/11/2005. Trong bản Tuyên bố chung, các nhà lãnh đạo ASEAN và Mỹ nhất trí thúc đẩy mối quan hệ đối tác giữa hai bên theo hướng hành động, tăng cường hợp tác trong nhiều lĩnh vực bao gồm: an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội và phát triển. Ngoài ra, bản Tuyên bố cũng kêu gọi các nước ASEAN tích cực xây dựng ASEAN thành một cộng đồng hội nhập năng động ở châu Á - Thái Bình Dương như đã đề ra trong Chương trình Hành động Vientiane (11/2004), đồng thời biến ARF thành diễn đàn chính về an ninh và chính trị trong khu vực. Bản Tuyên bố chung cũng kêu gọi ASEAN và Mỹ cùng hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong việc chống lại tội phạm xuyên quốc gia, kể cả khủng bố, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chống buôn bán người và ma túy bất hợp pháp, đảm bảo an ninh hàng hải, chống lại các đại dịch HIV/AIDS, SARS và cúm gia cầm. Lãnh đạo các nước ASEAN và Mỹ cũng nhất trí tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư, ủng hộ Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN (do Mỹ đưa ra), thực hiện đầy đủ những cam kết trong hiệp định thương mại Mỹ và

¹ *Tổng quan về Chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Á*, vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_wf020604.html

ASEAN nhằm đạt mục tiêu xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2020.¹

Những nội dung trong Tuyên bố chung Mỹ - ASEAN 2005 đã đặt cơ sở mới cho sự hợp tác toàn diện và lâu dài giữa hai bên. Những mục tiêu đề ra trong Tuyên bố chung vừa bao hàm cả một số ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như những mục tiêu và lợi ích của ASEAN. Điều này cho thấy việc thực hiện đầy đủ những nội dung trong bản Tuyên bố chung sẽ đem lại lợi ích cho cả hai phía. Hướng tới dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập ASEAN, ngày 15/3/2007, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng nghị viện Mỹ Richard Lugar đã đưa ra đề nghị kỷ niệm 30 năm quan hệ đối thoại Mỹ - ASEAN, đồng thời cũng khẳng định sự đề cao của Mỹ đối với mối quan hệ này. Cũng nhân dịp này, phía Mỹ kêu gọi ASEAN hãy thực hiện đầy đủ Tuyên bố chung về Tăng cường mối quan hệ đối tác Mỹ - ASEAN mà hai bên đã đưa ra trong tháng 11/2005. Như vậy, xu hướng chung trong chính sách của Mỹ và ASEAN trong quan hệ song phương là tăng cường hợp tác và cùng có lợi. Tuy nhiên trên thực tế, không phải tất cả đều thuận lợi. Trong một số vấn đề cụ thể, hai bên vẫn còn những vướng mắc do những khác biệt về quan điểm và lợi ích.

1.2. Sự gia tăng ảnh hưởng của các cường quốc lớn trong khu vực

Từ đầu thập niên 1990 xuất hiện sự gia tăng ảnh hưởng của các cường quốc lớn ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản. Trong thời kỳ này, Trung Quốc và Nhật Bản đẩy mạnh hợp tác trên nhiều phương diện với các nước ASEAN. Ở những mức độ nhất định, mối quan hệ của hai cường quốc này với các nước ASEAN có tác động tới chính sách của Mỹ đối với khu vực. Về mặt truyền thống, Trung Quốc và Nhật Bản là hai nước có quan hệ mật thiết với các nước Đông Nam Á. Bước sang

¹ ASEAN, US To Boost Partnership, vietnamnews.vnagency.com.vn/showarticle.php?num=01POL181105

đầu thế kỷ XXI, cả hai nước đều có thêm những yếu tố mới để gia tăng ảnh hưởng trong khu vực.

Đối với trường hợp Trung Quốc, phát huy lợi thế láng giềng cũng như tận dụng những cơ hội thuận lợi do tình hình an ninh chính trị ở Đông Nam Á đem lại, từ đầu thập niên 1990, Trung Quốc tăng cường cải thiện quan hệ với các nước láng giềng phía nam, tạo ra môi trường an ninh tốt cho mình. Ngoài ra, Trung Quốc đẩy mạnh các cuộc đối thoại với các nước ASEAN thông qua các diễn đàn đối thoại của ASEAN như ASEAN+3, ARF, Hội nghị cấp cao Á - Âu (ASEM), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS). Đáng chú ý là tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8 diễn ra vào tháng 11/2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định về Quy tắc ứng xử Biển Đông. Văn kiện này là cơ sở để ASEAN và Trung Quốc giải quyết những tranh chấp trên biển, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường biển trong khu vực. Ngoài ra, thông qua việc ký kết văn kiện này, Trung Quốc cũng muốn tăng cường lòng tin đối với các nước ASEAN. Tháng 10/2003, Trung Quốc và ASEAN đạt được một bước tiến quan trọng nữa trong lĩnh vực an ninh - chính trị. Hai bên đã ký kết Tuyên bố chung về đối tác chiến lược Trung Quốc - ASEAN vì hoà bình và thịnh vượng, đồng thời Trung Quốc chính thức tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác của ASEAN. Theo quan điểm của Việt Nam, sự kiện này “đánh dấu một bước ngoặt mới trong quan hệ hai bên” và “là cơ sở để giải quyết những vấn đề còn tồn tại, đồng thời xây dựng và củng cố quan hệ hữu nghị toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc”.¹ Trong lĩnh vực kinh tế, từ thập niên 1990, Trung Quốc đã vươn lên mạnh mẽ và được coi là một cường quốc kinh tế ở Đông Bắc Á. Bước sang đầu thế kỷ XXI, kinh tế Trung Quốc vẫn duy trì ở mức tăng trưởng cao và được đánh giá là “một trong những động cơ chính của sự tăng trưởng kinh tế

¹ Báo Nhân Dân, ngày 10/10/2003.

toàn cầu”.¹ Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 7 tháng 11/2001, Trung Quốc đã ký với các nước ASEAN Hiệp định về xây dựng Khu vực mậu dịch tự do (FTA), dự kiến hoàn thành trong 10 năm, tạo ra một FTA lớn nhất thế giới với khoảng 1,7 tỷ người tiêu dùng và GDP đạt khoảng 2 nghìn tỷ USD. Cùng với những thế mạnh sẵn có (ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, cường quốc hạt nhân), những thành tựu kinh tế của riêng Trung Quốc cũng như những kết quả tốt đẹp trong quan hệ với ASEAN cho phép Trung Quốc thực hiện nhiều tham vọng và mục tiêu trên những lĩnh vực khác nhau ở cả cấp độ khu vực và thế giới.

Nhận thức được thực tế này, ngay từ nhiệm kỳ đầu tiên, chính quyền Bush đã chỉ ra mối đe dọa tiềm tàng từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, coi nước này là một “kẻ cạnh tranh và một đối thủ tiềm tàng trong khu vực”, thách thức lợi ích quốc gia của Mỹ.² Những động thái của Trung Quốc trong quan hệ với các nước ASEAN trong những năm qua làm cho chính quyền Bush phải quan ngại. Sau chuyến đi khảo sát tình hình khu vực, Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ James A. Kelly đã đưa ra nhận xét trong Bản điều trần trước Ủy ban Đối ngoại của Hạ viện Hoa Kỳ ngày 2/6/2004 rằng: “Trung Quốc đang tích cực thay đổi tình hình hiện nay. Họ đang mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á bằng cách nâng cao sự có mặt về ngoại giao, tăng viện trợ cho nước ngoài và ký các thoả thuận song phương và khu vực mới... Những thoả thuận này không có giá trị đáng kể về tài chính nhưng chúng là dấu hiệu cho thấy Trung Quốc đang sử dụng sức mạnh kinh tế mới có để mở rộng sự có mặt và ảnh hưởng chính trị tại các nước láng giềng ở phía nam. Mặc dù chúng ta (Mỹ) hoan nghênh sự tham gia có tính xây

¹ *Measuring Globalization, Foreign Policy*, May/June 2005, A. T. Kearny, Inc., and *The Carnegie Endowment for International Peace*; David M. Lampton, *The Faces of Chinese Power*, *Foreign Affairs*, January/February 2007.

² Collin Powell, U.S. *International Engagement: A Time of Great Opportunities*, in U.S. *National Security: The Bush Team*, An Electronic Journal of The U.S. Department of State, Vol. 6, No. 1, March 2001.

dựng của Trung Quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chúng ra cần đảm bảo rằng Hoa Kỳ vẫn hoàn toàn giữ được liên hệ đầy đủ với các quốc gia Đông Nam Á”.¹ Trong Thông điệp Liên bang ngày 31/1/2006, Tổng thống Bush khẳng định Trung Quốc là một trong những “đối thủ cạnh tranh mới” của Mỹ. Như vậy, quan điểm của Mỹ cho thấy Trung Quốc không chỉ là đối thủ cạnh tranh của Mỹ trong nhiều vấn đề quốc tế mà còn là một đối thủ lớn cạnh tranh ảnh hưởng và quyền lợi với Mỹ ở Đông Nam Á. Trung Quốc đã đẩy Mỹ tới một cuộc ganh đua để tranh giành ảnh hưởng trong khu vực. Trong cuộc đua này, Mỹ không dễ dàng để Đông Nam Á rơi vào phạm vi ảnh hưởng chủ đạo của Trung Quốc. Đây là một yếu tố quan trọng mà chính quyền Mỹ phải tính đến trong việc hoạch định chính sách của Mỹ đối với ASEAN.

Đối với trường hợp Nhật Bản, tuy không phải là một nước láng giềng gần gũi như Trung Quốc nhưng Nhật Bản có nhiều lợi ích kinh tế ở khu vực Đông Nam Á. Khu vực này nằm trên tuyến đường vận chuyển nhiên liệu quan trọng của Nhật Bản từ Trung Đông, là nơi cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp của nước này và cũng là thị trường lớn của Nhật Bản. Vì thế trong nhiều thập kỷ qua, Nhật Bản tích cực duy trì quan hệ hợp tác với các nước ASEAN, phục vụ những lợi ích kinh tế to lớn của Nhật Bản trong khu vực. Không giống như Trung Quốc, Nhật Bản tham dự diễn đàn đối thoại của ASEAN rất sớm (từ năm 1977). Nhật Bản cũng tham gia nhiều diễn đàn đối thoại với ASEAN như ARF, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao (PMC) 9+1 và 9+10, Diễn đàn ASEAN - Nhật Bản, Ủy ban ASEAN - Tokyo... Nhật Bản là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của ASEAN. Phát huy lợi thế là cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, Nhật Bản đẩy mạnh việc cung cấp viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho các nước ASEAN, chiếm tới 60% tổng số vốn ODA của ASEAN (với khoảng 60 tỷ USD). Nhật Bản còn là nước đầu tư lớn ở Đông

¹ *Tổng quan về Chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Á*, tldđ.

Nam Á, vượt mức 100 tỷ USD (năm 2003).¹ Tháng 4/2005, Nhật Bản cũng bắt đầu vòng đàm phán chính thức đầu tiên về FTA với các nước thành viên ASEAN. Thời gian đàm phán dự kiến kéo dài trong 2 năm. Các quan chức Chính phủ Nhật ước tính một hiệp định đối tác kinh tế Nhật Bản - ASEAN sẽ giúp nước này tăng được tổng sản phẩm trong nước (GDP) thêm 2.000 tỷ yên (19,4 tỷ USD) và tạo được 260.000 việc làm mới.² Con đường đi tới FTA giữa Nhật Bản và ASEAN được đánh giá là ít trở ngại.

Với phạm vi hoạt động rộng rãi như vậy, Nhật Bản có điều kiện phát huy ảnh hưởng mạnh và tăng cường hợp tác kinh tế ở Đông Nam Á. Quan hệ đối tác Nhật Bản - ASEAN được đánh giá là một trong những mối quan hệ năng động, đem lại lợi ích thiết thực cho các bên. So với Trung Quốc, Nhật Bản tỏ ra là một lựa chọn thích hợp cho các nước ASEAN vì những ưu thế về công nghệ và vốn đầu tư, đặc biệt Nhật Bản không có những tranh chấp lãnh thổ với các nước ASEAN như Trung Quốc. Thông qua cơ chế của mối quan hệ đối tác, Nhật Bản và ASEAN đã thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Để cạnh tranh với Trung Quốc, Nhật Bản đưa ra đề nghị thành lập “Khối cộng đồng Đông Á”, trong đó coi ASEAN là trụ cột chiến lược trong chính sách châu Á của Nhật Bản. Hơn nữa không giống như trường hợp của Trung Quốc, Nhật Bản là một đồng minh của Mỹ và không bị Mỹ coi là đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, Mỹ có điều kiện kiểm chế Nhật Bản thông qua Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật. Tuy nhiên, một số học giả Mỹ đã đưa ra những nhận định có tính chất cảnh báo rằng Nhật Bản là nước có những tiềm lực lớn về chiến lược và một khi Nhật Bản thoát ra khỏi những ràng buộc về hiến pháp và luật pháp để trở thành một quốc gia “bình thường”, Nhật Bản sẽ là một đối thủ

¹ Báo Nhân Dân, ngày 12/12/2003.

² Nhật Bản - ASEAN tiến gần tới FTA, vnexpress.net/Vietnam/Kinh-doanh/Quoc-te/2005/04/3B9DD43E

cạnh tranh của Mỹ.¹ Trên thực tế, Nhật Bản có nhiều lợi thế để vươn lên vai trò chủ đạo về kinh tế trong khu vực. Những hợp tác kinh tế và thương mại với các nước ASEAN không những đem lại lợi ích kinh tế cho Nhật Bản mà còn gia tăng ảnh hưởng của Nhật Bản đối với các nước này. Nếu Nhật Bản thành công trong việc cạnh tranh với Trung Quốc và Mỹ, Nhật Bản có thể trở thành nước có ảnh hưởng hàng đầu ở Đông Nam Á, khi đó sẽ làm lu mờ vai trò của các cường quốc khác, kể cả Mỹ, trong khu vực. Do đó đề nghị về Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN của Mỹ có thể hiểu là một biện pháp được áp dụng trong cuộc chạy đua với Nhật Bản và Trung Quốc trong quan hệ thương mại với ASEAN.²

2. Quan hệ Mỹ - ASEAN trong lĩnh vực an ninh - chính trị

2.1. Hợp tác chống khủng bố và sự hiện diện về quân sự của Mỹ

Kể từ sau thời điểm 11/9/2001, hợp tác chống khủng bố đã trở thành ưu tiên hàng đầu của Mỹ trong quan hệ với các nước ASEAN. Theo quan điểm của chính quyền Bush “Đứng đầu trong danh sách các ưu tiên về chính sách của chúng ta (Mỹ) là cuộc chiến chống khủng bố, mối đe dọa không chỉ riêng đối với quốc gia nào nhưng lại nguy hiểm nhất tại khu vực Đông Nam Á”.³ Các nhóm Hồi giáo cực đoan là Jamaah Islamiyah (JI) ở Indonesia, Abu Sayyaf và Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro (MILF) ở Philippines, Kumpulan Mujahideen (KMM) ở Malaysia được Mỹ xác định là có liên hệ với mạng lưới khủng bố Al Qaeda và là mục tiêu tấn công trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở Đông Nam Á.

¹ Hugh White, “Security: Great Power Gambits to Secure Asia’s Peace”, *Far Eastern Economic Review*, 12 January 2007; Eric Heginbotham & Christopher P. Twomey, “America’s Bismarckian Asia Policy, Current History”, September 2005.

² Tham khảo Catharin E. Dalpino, *The Bush Administration in Southeast Asia: Two Regions? Two Policies?*, The Brookings Institution, Washington D.C. May 2003.

³ *Tổng quan về chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Á*, ttdđ.

Về phía các nước ASEAN, hoạt động khủng bố được coi là một loại tội phạm phi truyền thống và là một nhân tố gây mất ổn định trong khu vực. Vì vậy, ASEAN đã nhanh chóng ủng hộ quan điểm chống khủng bố quốc tế của Mỹ. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ 7 (11/2001), các nước ASEAN đã đưa ra Tuyên bố ASEAN về hành động chung chống khủng bố năm 2001. Tuyên bố này đã được thông qua tại Hội nghị cấp cao lần thứ 8 (11/2002). Đáng chú ý là tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN cuối tháng 7/2002, ASEAN và Mỹ đã ký thoả thuận chống khủng bố quốc tế (ngày 1/8/2002). Theo thoả thuận, các nước ASEAN cùng với Mỹ tăng cường chia sẻ thông tin tình báo và quản lý các vấn đề tài chính cũng như nhập cư để ngăn chặn các hoạt động khủng bố. Thoả thuận này được coi là tuyên bố mạnh mẽ nhất của ASEAN trong việc ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động. Theo đánh giá của cựu Ngoại trưởng Mỹ C. Powell, thoả thuận này là “một tuyên bố chính trị gắn kết Mỹ và ASEAN trong mối quan hệ chặt chẽ hơn”. Powell cũng nhấn mạnh rằng thoả thuận này không phải là cơ sở cho việc Mỹ triển khai quân đội trong khu vực, và việc triển khai quân đội Mỹ chỉ có thể đạt được theo sự thoả thuận của riêng từng nước với Mỹ.¹ Sở dĩ Powell phải đưa ra cam kết này là vì trước khi tham gia ký kết thoả thuận với Mỹ về chống khủng bố, Indonesia và Việt Nam đã kiên quyết bác bỏ bất cứ điều khoản nào được coi là bật đèn xanh cho sự triển khai quân đội Mỹ trong khu vực. Như vậy, trong khi hợp tác với Mỹ, hai nước tỏ ra thận trọng trước một vấn đề nhạy cảm, không để Mỹ lợi dụng những thoả thuận chống khủng bố để mở đường cho sự can thiệp quân sự vào khu vực. Trên thực tế, Mỹ cũng không thể ép buộc ASEAN chấp nhận mọi đề nghị của mình trong khi hợp tác với nhau. Tuy nhiên, một hệ quả dễ nhận thấy là cuộc chiến chống khủng bố đã tạo điều kiện cho Mỹ gia tăng sự hiện diện về quân sự trong khu vực thông qua sự hợp tác song phương với một số nước.

¹ *Asean makes anti-terror pact with US*, news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/2165552.stm

Về sự hợp tác song phương của Mỹ, trước hết phải kể đến Indonesia. Đây là quốc gia Hồi giáo đông dân nhất trên thế giới với một số tổ chức Hồi giáo cấp tiến hoạt động mạnh mẽ. Các vụ đánh bom nghiêm trọng đã xảy ra ở Indonesia như vụ trên đảo Bali (nơi có nhiều du khách phương Tây) tháng 10/2002, vụ khách sạn Marriot (một cơ sở kinh doanh của Mỹ ở Jakarta) tháng 8/2003. Vì vậy, Mỹ đã sớm đưa ra một chương trình viện trợ với nhiều khoản mục cho Indonesia. Chương trình này bao gồm: 1) 12 triệu USD cho việc thành lập đơn vị cảnh sát quốc gia chống khủng bố; 2) 4,9 triệu USD cho việc huấn luyện các nhân viên an ninh và cảnh sát trong giai đoạn 2001/2003; 3) Cung cấp tài chính cho đơn vị tình báo để chống hoạt động rửa tiền, nâng cao năng lực phân tích tin tình báo chống khủng bố; 4) Hỗ trợ việc thành lập và huấn luyện hệ thống an ninh biên giới chống khủng bố; 5) Cung cấp kinh phí huấn luyện quân đội Indonesia trong các hoạt động chống khủng bố và đối phó với những vấn đề có liên quan đến khủng bố.¹ Ngày 22/10/2003, Tổng thống Bush đi thăm Indonesia nhằm mục đích tăng cường hơn nữa hợp tác với Indonesia trong cuộc chiến chống khủng bố. Hai nước đã ra tuyên bố chung cam kết đẩy mạnh hợp tác song phương chống khủng bố. Cũng nhân dịp này, Mỹ cung cấp thêm 157 triệu USD cho chương trình nâng cấp các trường học công của Indonesia nhằm hạn chế ảnh hưởng của các trường học nội trú của các tổ chức Hồi giáo cấp tiến ở nước này. Đây là một hình thức gián tiếp chống lại các tổ chức Hồi giáo cực đoan ở Indonesia. Ngoài viện trợ cho các hoạt động chống khủng bố, Mỹ nối lại hoạt động tập trận chung với quân đội Indonesia. Mở đầu là cuộc tập trận được tổ chức vào tháng 7/2005 tại vùng biển Java của Indonesia. Cuộc tập trận này có ý nghĩa chấm dứt tình trạng “tạm ngừng” quan hệ quân sự giữa hai nước kéo dài suốt 4 năm qua. Indonesia có vị trí quan trọng nằm trên tuyến đường vận tải từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương

¹ *Terrorism in Southeast Asia*, Foreign Affairs, Defense, and Trade Division, Congressional Research Service, The Library of Congress, November 2003.

qua eo biển Malacca. Vì vậy, việc khôi phục và tăng cường quan hệ quân sự với Indonesia là một trong những ưu tiên trong quan hệ với các nước ASEAN của Mỹ trong lĩnh vực an ninh. Điều này cũng giải thích cho việc chính quyền Bush tích cực đưa quân đội Mỹ tham gia hoạt động cứu trợ thảm họa sóng thần cuối năm 2004 ở Indonesia trên đảo Ache (khu vực nằm trên cửa ngõ của eo biển Malacca). Thông qua các hoạt động này, chính quyền Bush có cơ sở để gia tăng sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Indonesia.

Philippines là trọng điểm chống khủng bố thứ hai của Mỹ ở Đông Nam Á. Hoạt động của các nhóm Hồi giáo vũ trang ở miền nam nước này trong nhiều năm qua luôn là vấn đề nhức nhối của Philippines, gây mất ổn định cho đất nước này. Từ sau sự kiện 11/9/2001, các hoạt động đánh bom khủng bố, bắt cóc người nước ngoài gia tăng mạnh mẽ ở Philippines. Vì vậy cũng dễ hiểu là ngay từ đầu chính phủ của Tổng thống G. Arroyo đã bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ cho cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động. Ngày 20/11/2001, Mỹ tuyên bố cung cấp cho Philippines 92 triệu USD viện trợ quân sự và 55 triệu USD viện trợ kinh tế cho các khu vực có người Hồi giáo sinh sống. Hợp tác quân sự Mỹ - Philippines được tiến hành theo hai bước. Bước I từ tháng 1/2002 đến tháng 7/2002, Mỹ triển khai khoảng 1.200 nhân viên quân sự trên đảo Basilan ở miền nam Philippines tham gia các “hoạt động dân sự” trong chiến dịch mang tên “Balikata” (vai kẻ vai). Bước II được dự tính một khoản viện trợ quân sự cả gói của Mỹ trị giá 25 triệu USD cho việc huấn luyện và trang bị cho các đơn vị chống khủng bố của quân đội Philippines, bắt đầu từ cuối năm 2002. Kế hoạch này chủ yếu nhằm vào trung tâm của tổ chức Abu Sayyaf trên đảo Jolo ở miền nam Philippines và dự tính có sự phối hợp của các đơn vị tham chiến Mỹ. Tổng thống Arroyo và các tướng lĩnh quân sự Philippines ủng hộ kế hoạch này. Tuy nhiên, kế hoạch này đã vấp phải sự phản đối của công luận Philippines về sự hiện diện trở lại của quân đội Mỹ ở đây. Nhiều người Philippines đã biểu tình chống Mỹ khi Ngoại trưởng Mỹ C.

Powell đến thăm Philippines đầu tháng 8/2002. Họ cũng phản đối mạnh mẽ sự tham gia các hoạt động quân sự của quân đội Mỹ theo kế hoạch phối hợp quân sự bước II.¹ Sự phản đối đã làm trì hoãn việc thực hiện phối hợp hoạt động quân sự giữa Mỹ và Philippines. Mặc dù vậy, trong chuyến thăm Mỹ tháng 5/2003 của Tổng thống Aroyo, chính quyền Bush tuyên bố một chương trình viện trợ mới trị giá 65 triệu USD cho việc huấn luyện các lực lượng chống khủng bố của quân đội Philippines và 30 triệu USD viện trợ kinh tế cho các chương trình dân sự trên đảo Mindanao của Philippines. Ngoài ra, Philippines được Mỹ cấp quy chế đồng minh chủ chốt ngoài NATO. Trong chuyến thăm Philippines tháng 10/2003, Tổng thống Bush mô tả sự hợp tác quân sự Mỹ - Philippines là “nền tảng vững chắc cho sự ổn định của khu vực Thái Bình Dương” và tiếp tục cam kết hỗ trợ hiện đại hoá quân đội Philippines phục vụ cho cuộc chiến chống khủng bố trong khu vực.²

Cũng giống như Philippines, Singapore đẩy mạnh hợp tác chống khủng bố với Mỹ. Một số người bị nghi ngờ có liên hệ với các nhóm Hồi giáo vũ trang trong khu vực đã bị bắt giữ. Cùng với Mỹ, Singapore thắt chặt việc kiểm soát các hoạt động tài chính, tăng cường tuần tra khu vực eo biển Malacca và chia sẻ thông tin tình báo. Tháng 6/2002, Singapore và Mỹ ký thoả thuận cho phép hải quan Mỹ kiểm tra các container hàng hoá chuẩn bị gửi đi Mỹ từ Singapore nhằm ngăn chặn việc buôn lậu vũ khí vào Mỹ. Chính phủ Singapore còn đưa ra Sách Trắng tuyên bố giải tán tất cả các hoạt động của tổ chức Hồi giáo JI ở Singapore. Sự hợp tác của Singapore với Mỹ đã tạo điều kiện cho sự hiện diện trở lại của quân đội Mỹ trong khu vực. Tháng 1/2001, tàu sân bay Mỹ USS Kitty Hawk được phép neo đậu ở căn cứ hải quân Changi của

¹ Powell Upbeat on SE Asia Anti-terror Fight, archives.cnn.com/2002/WORLD/asiapcf/southeast/08/03/philippines.powell/index.html; *Terrorism in Southeast Asia*, tlđđ.

² *Terrorism in Southeast Asia*, tlđđ.

Singapore. Đây là lần đầu tiên tàu sân bay Mỹ hiện diện ở Đông Nam Á kể từ khi căn cứ hải quân Subic của Mỹ ở Philippines bị đóng cửa năm 1992. Căn cứ hải quân Changi ngày càng trở nên quan trọng đối với Mỹ, trở thành nơi cung cấp hậu cần cho quân đội Mỹ trong khu vực và trở thành nơi đồn trú của Bộ Tư lệnh hậu cần Hạm đội 7 của Mỹ. Công trình cảng nước sâu cỡ lớn cho tàu của hải quân Mỹ ở căn cứ Changi được hoàn thành tháng 6/2003, có thể tiếp nhận tàu cỡ lớn, kể cả tàu tuần dương và tàu sân bay. Tháng 7/2005, Mỹ và Singapore ký hiệp định khung về an ninh, tạo điều kiện cho các cuộc đối thoại chiến lược song phương hàng năm, tiến hành hoạt động tập trận chung, hợp tác nghiên cứu và phát triển quân sự giữa hai nước. Với hiệp định này, Singapore trở thành một đồng minh quan trọng của Mỹ ở Đông Nam Á trong thế kỷ XXI.

Malaysia là một nước Hồi giáo lớn ở Đông Nam Á nhưng cũng công khai lên án những kẻ khủng bố Hồi giáo sau sự kiện 11/9/2001. Tháng 5/2002, Thủ tướng Mahathia sang thăm Mỹ và đã ký Biên bản ghi nhớ về chống khủng bố. Đổi lại, chính quyền Mỹ giảm bớt những chỉ trích đối với chính phủ Malaysia trong vấn đề nhân quyền có liên quan đến việc thực thi Đạo luật An ninh Nội bộ của Malaysia. Năm 2003, Chính phủ Malaysia đồng ý thành lập Trung tâm chống khủng bố của khu vực đóng trụ sở ở Kuala Lumpur. Trung tâm này ban đầu do Mỹ tài trợ về tài chính. Mặc dù vậy, chính phủ Mahathia vẫn chỉ trích cuộc chiến của Mỹ ở Iraq cũng như việc Mỹ hạn chế cấp visa cho công dân Malaysia muốn vào Mỹ.

Hợp tác chống khủng bố của Thái Lan với Mỹ được bắt đầu ngay từ năm 2001, giữa Cơ quan tình báo trung ương Mỹ (CIA) với Trung tâm chống khủng bố của Thái Lan (CTIC). Năm 2002, CIA tài trợ cho CTIT từ 10 - 15 triệu USD. Hoạt động chính của CTIC là bắt giữ các phần tử bị nghi vấn tham gia các hoạt động khủng bố thuộc tổ chức Hồi giáo JI. Cũng giống như Philippines, Thái Lan được Mỹ cấp cho quy chế đồng minh chủ chốt ngoài

NATO. Tháng 5/2003, Thái Lan công khai đẩy mạnh chiến dịch chống hoạt động khủng bố. Tuy nhiên trái với kết quả mong đợi, từ đầu năm 2004, Thái Lan phải đối mặt với sự gia tăng các vụ bạo lực tại các tỉnh phía nam, nơi đạo Hồi là tôn giáo chủ yếu. Những vụ này bao gồm tấn công trường học, đánh bom, giết hại cảnh sát và các quan chức cũng như hàng loạt các vụ tấn công các đồn cảnh sát làm hàng trăm người chết. Ngoài hợp tác chống khủng bố, Thái Lan là nước duy nhất ở Đông Nam Á duy trì các cuộc tập trận chung hàng năm với Mỹ mang tên “Hổ mang Vàng”. Đáng chú ý là cuộc tập trận từ ngày 2 đến 13/5/2005 được coi là một trong những cuộc tập trận quân sự lớn nhất ở châu Á. Khoảng 5.800 binh sĩ Mỹ, Thái Lan, Singapore và Nhật Bản đã tham gia cuộc tập trận chung hàng năm ở phía bắc Thái Lan. Đây là năm thứ 24 quân đội Thái Lan và quân đội Mỹ tiến hành tập trận chung, đồng thời là năm thứ 5 có sự góp mặt của quân đội Singapore và là năm đầu tiên có sự tham gia của lực lượng phòng vệ Nhật Bản.

Như vậy, trong khu vực Đông Nam Á, các nước Hồi giáo và những nước có vấn đề nghiêm trọng với lực lượng Hồi giáo cực đoan đã có chương trình hợp tác song phương với Mỹ ở những mức độ khác nhau. Các nước còn lại chủ yếu hợp tác với Mỹ thông qua cơ chế của ASEAN. Dù mức độ và hình thức hợp tác khác nhau nhưng các nước đều tỏ rõ một quan điểm chung là kiên quyết chống lại các hoạt động khủng bố để giữ gìn hoà bình và an ninh cho khu vực. Biểu hiện cao nhất quyết tâm chống khủng bố của ASEAN là việc ký Hiệp ước về chống khủng bố ngày 13/1/2007 tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 12 ở Philippines. Đây cũng là văn kiện hợp tác chống khủng bố phạm vi khu vực đầu tiên của khối này. Hiệp ước kêu gọi các nước tăng cường hợp tác khu vực nhằm ngăn chặn và tiêu diệt khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện, nhanh chóng chia sẻ thông tin tình báo và chuyển tiếp những cảnh báo khủng bố trong các nước thành viên. Hiệp ước tuyên bố các nước cần ngăn chặn hoạt động tài trợ cho

khủng bố, tiến hành huấn luyện chống khủng bố, nâng cao khả năng ứng phó với các nguy cơ khủng bố bằng vũ khí sinh học, hoá học và hạt nhân. Hiệp ước cũng khẳng định không thể gán chủ nghĩa khủng bố với bất kỳ tôn giáo, dân tộc, nền văn minh hay nhóm sắc tộc nào, đồng thời nêu rõ không một nước thành viên nào có thể tiến hành các hoạt động chống khủng bố trên lãnh thổ nước khác. Đây chính là điều khoản nhằm ngăn chặn âm mưu lợi dụng chống khủng bố để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước trong khu vực.

2.2. Vấn đề Myanmar

Đây là một vấn đề nhạy cảm trong quan hệ của Mỹ với ASEAN trên phương diện an ninh - chính trị. Từ đầu thập niên 1990, Myanmar bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận với lý do nước này vi phạm nhân quyền và dân chủ, đặc biệt là việc đàn áp lãnh tụ Đảng Dân chủ đối lập Aung San Suu Kyi. Các nước ASEAN đã phải vượt qua sự cản trở của Mỹ và phương Tây để kết nạp Myanmar vào ASEAN năm 1997. Với nguyên tắc chủ đạo là đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, các nước ASEAN đã chủ động khuyến khích Myanmar tham gia đầy đủ vào các hoạt động của khối, bất chấp sức ép ngăn cản của Mỹ và phương Tây. Tuy nhiên trong những năm gần đây, sự gia tăng sức ép của Mỹ đối với ASEAN trong vấn đề Myanmar đã tác động tới nguyên tắc hoạt động của khối này. Tại Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN ở Campuchia tháng 6/2003 với sự tham dự của Ngoại trưởng Mỹ C. Powell, ASEAN đã đưa ra một tuyên bố chung kêu gọi Myanmar trả tự do cho Aung San Suu Kyi. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau đã bị vi phạm. Trong khi đó, Ngoại trưởng Mỹ Powell nói rằng việc làm này của ASEAN “không phải là sự can thiệp vào công việc nội bộ mà chỉ phản ánh mối quan ngại sâu sắc của các nước láng giềng và cộng đồng quốc tế”. Còn

Ngoại trưởng Singapore nhận xét rằng “đây là một bước lùi không chỉ của riêng Myanmar mà của cả ASEAN”.¹

Ngoài việc gây sức ép với cả khối ASEAN, chính quyền Mỹ còn đề nghị Thái Lan, láng giềng gần gũi của Myanmar, thuyết phục chính quyền nước này giải quyết vấn đề Aung San Suu Kyi. Tại các hội nghị cấp cao ASEAN 2003 và 2004, Thái Lan chủ động đề nghị đưa vấn đề Myanmar ra bàn bạc nhưng không có kết quả. Sau đề nghị với Myanmar tháng 6/2003, hầu hết các nước ASEAN không muốn tiếp tục vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau trong việc giải quyết vấn đề Myanmar. Mặc dù vậy, ASEAN không tránh khỏi sức ép của Mỹ và phương Tây đối với vấn đề này. Theo quy định của ASEAN, Myanmar sẽ giữ chức chủ tịch luân phiên ASEAN vào năm 2006. Nhưng trước đó, Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) với tư cách là các bên đối thoại của ASEAN tuyên bố không chấp nhận việc Myanmar lãnh đạo ASEAN vì cho rằng Myanmar không tôn trọng tự do và dân chủ. Các nước này đe dọa tẩy chay các hội nghị của ASEAN nếu Myanmar đảm đương chức vụ Chủ tịch ASEAN.² Trên thực tế, Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice đã không tham dự Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN tháng 7/2005, một động thái được các nhà quan sát cho là nhằm gây sức ép với ASEAN. Với sự tác động trực tiếp của Thái Lan, Myanmar lúc đầu phản đối nhưng sau đó đã chấp thuận không giữ chức vụ này. Ngày 26/7/2005, Ngoại trưởng Myanmar U Nyan Win chính thức tuyên bố tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN quyết định rút lui của Myanmar với lý do vì muốn “tập trung nỗ lực cho việc hoà giải và thực thi tiến trình dân chủ

¹ *Powell Piles Pressure on Myanmar*, www.cnn.com/2003/WORLD/asiapcf/southeast/06/18/myanmar.powell/index.html; *ASEAN Calls For Suu Kyi Release*, www.cnn.com/2003/WORLD/asiapcf/southeast/06/17/myanmar.asean/index.html.

² *Asean's Face-Saving Solution*, news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/4719713.stm.

trong nước trong thời kỳ quyết định ở năm 2006”.¹ Tuyên bố của Myanmar đã giải toả sự căng thẳng giữa ASEAN với Mỹ và EU và tỏ ra không làm cho ASEAN phải vi phạm nguyên tắc truyền thống của mình. Tuy nhiên, việc ASEAN chấp nhận thực tế này cũng chính là một sự nhượng bộ của ASEAN trong quan hệ với Mỹ.

3. Quan hệ Mỹ - ASEAN trong lĩnh vực kinh tế - thương mại

Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, Mỹ cũng vấp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ của Trung Quốc và Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á. Mặc dù vậy, quan hệ thương mại Mỹ - ASEAN đã phát triển nhanh chóng trong 10 năm trở lại đây. Các số liệu thống kê cho thấy trong mấy năm đầu thế kỷ XXI, Mỹ vẫn là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu của ASEAN. Điều này cho thấy cả Mỹ và ASEAN đều là những thị trường quan trọng của nhau. Để tăng cường quan hệ thương mại - đầu tư với ASEAN, chính quyền Bush đã đưa ra Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN (EAI, tháng 10/2002) nhằm tạo điều kiện cho việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương giữa Mỹ và các nước ASEAN. Tuy nhiên cho đến nay Mỹ mới ký được một hiệp định như vậy với Singapore (5/2003). Tháng 7/2004, Mỹ bắt đầu đàm phán với Thái Lan về FTA và tăng cường đối thoại thương mại với các nước Malaysia, Indonesia, Philippines, Brunei và Việt Nam, coi đó như một phần của việc thực hiện EAI. Mặc dù Mỹ là một đối tác lớn của ASEAN nhưng khả năng tiến tới việc thành lập một FTA giữa Mỹ và ASEAN có thể mất 10 năm đàm phán và không thuận lợi như với trường hợp của Trung Quốc và Nhật Bản. Sau một cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo ASEAN tháng 4/2002, đại diện thương mại Mỹ Robert Zoellick phát biểu: “Mặc dù chúng tôi (Mỹ) hài lòng tiến tới thương mại tự do với tất cả các nước (ASEAN) nhưng chúng tôi cần tiếp cận theo từng

¹ *Myanmar từ chối chức Chủ tịch ASEAN*, vnexpress.net/Vietnam/The-gioi/2005/07/3B9E083B.

bước”.¹ Quan điểm này cho thấy chính sách thương mại của Mỹ nói chung và với các nước ASEAN nói riêng bị chi phối bởi những yếu tố và động cơ khác ngoài thương mại. Điều này phần nào được chứng minh qua phát biểu của Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ James A. Kelly rằng: “Thương mại là một công cụ mạnh để có những thay đổi tích cực tại bất cứ đâu ở Đông Á và cũng có thể là lực đẩy để đạt được tiến bộ tại Lào”.² Quan điểm đó cho thấy thương mại không chỉ đem lại lợi ích kinh tế mà còn nhằm phục vụ những mục tiêu khác của Mỹ.

Các đối tác thương mại hàng đầu của ASEAN năm 2005

(Đơn vị tính: triệu USD)

Đối tác thương mại	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng cộng
Mỹ	92.941,9	60.976,4	153.918,2
Nhật Bản	72.756,4	81.077,9	153.834,3
EU-25	80.922,1	59.611,6	140.533,6
Trung Quốc	52.257,5	61.136,0	113.393,6
Hàn Quốc	24.362,3	23.609,5	47.971,9
Australia	19.645,7	11.593,0	31.238,7
Ấn Độ	15.048,3	7.952,3	23.000,6
Đài Loan	8.267,7	11.532,9	19.800,6
Hồng Kông	13.868,6	5.590,3	19.458,9

Nguồn: ASEAN Trade Database, Table 20, www.aseansec.org/stat/Table20.xls

Các nguồn đầu tư trực tiếp lớn nhất của ASEAN

(Đơn vị tính: triệu USD)

¹ US-Asian Free Trade Zone No Nearer, news.bbc.co.uk/2/hi/business/1912961.stm.

² Tổng quan về chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Á, tldđ.

Nguồn đầu tư	2004	2005	2001-2005
EU-25	7.856,3	7.122,7	31.478,8
Mỹ	3.919,4	8.748,4	18.120,3
Nhật Bản	3.119,3	3.163,7	12.096,0
Đảo quốc Cayman	1.658,93	4.372,9	7.333,9
Đài Loan	305,8	306,6	4.258,3
Hàn Quốc	682,1	628,4	1.709,6
Trung Quốc	670,3	569,8	1.509,0

Nguồn: *ASEAN Trade Database*, Table 27. www.aseansec.org/Stat/Table27.xls

Mặc dù vẫn còn những yếu tố không thuận lợi, quan hệ thương mại và đầu tư Mỹ - ASEAN vẫn được thúc đẩy với việc cả hai bên cùng cố gắng tạo ra cơ sở pháp lý mới cho sự hợp tác. Với tinh thần đó, ngày 27/7/2006 Mỹ và ASEAN đã ký kết thoả thuận về “Kế hoạch Hành động 5 năm” nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ thương mại, đầu tư và chính trị. Phát biểu sau lễ ký kết, Tổng thư ký ASEAN Ong Keng Yong nói rằng: “Kế hoạch hành động Mỹ - ASEAN thể hiện quan điểm Mỹ muốn hành động nhiều hơn để tăng cường thương mại với các nước ASEAN”.¹ Sau đó tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN cuối tháng 8/2006, Mỹ và ASEAN ký kết “Văn kiện Khung cho Kế hoạch Hành động để thực hiện tăng cường mối quan hệ đối tác Mỹ - ASEAN”. Văn kiện này sẽ là cơ chế thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa hai bên, nhằm mục tiêu tiến tới một hiệp ước thương mại tự do Mỹ - ASEAN. Trong cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống Bush và các nhà lãnh đạo Đông Nam Á là thành viên APEC tại Hà Nội tháng 11/2006, Mỹ và ASEAN một lần nữa cam kết thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại, coi đó là ưu tiên hàng đầu trong quan hệ Mỹ - ASEAN trong thời gian tới. Các nhà lãnh đạo cũng thống nhất tạo ra sự liên kết chặt chẽ hơn giữa Mỹ với các nước trong khu vực, đồng thời

¹ *Nation Emphasises Broad-based Co-operation at ASEAN Forums*, vietnamnews.vnagency.com.vn/showarticle.php?num=05POL280706.

khuyến khích sự tham gia sâu rộng của giới doanh nghiệp và khu vực tư nhân. Cũng tại cuộc gặp này, Tổng thống Bush khẳng định sự ủng hộ của Mỹ đối với vai trò chủ đạo của các nước Đông Nam Á trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoà bình và phát triển ở khu vực.¹ Như vậy với những thoả thuận mới này, quan hệ Mỹ - ASEAN trong lĩnh vực kinh tế - thương mại hứa hẹn những bước tiến mới vì lợi ích thiết thực của cả hai bên.

4. Một vài nhận xét

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ Mỹ - ASEAN trong lĩnh vực an ninh - chính trị vẫn đóng vai trò chủ đạo. Mỹ đang từng bước khẳng định lại vai trò nổi bật trong các vấn đề an ninh - chính trị ở Đông Nam Á. Ở mức độ nhất định, chính sách của ASEAN vẫn bị chi phối bởi yếu tố Mỹ. Điều này thể hiện rõ qua vấn đề Myanmar. Vấn đề chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, không phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, tiếp tục là những chủ đề chính cho sự hợp tác giữa Mỹ và ASEAN trong lĩnh vực an ninh - chính trị. Trên phương diện kinh tế - thương mại, những văn kiện đã được ký kết giữa Mỹ và ASEAN sẽ là cơ sở pháp lý thúc đẩy sự hợp tác nhiều hơn của hai bên. Việc thực hiện những văn kiện hợp tác kinh tế đã ký kết giữa ASEAN với Mỹ cũng như với các cường quốc khác sẽ làm cho Đông Nam Á trong những năm tới trở thành một khu vực kinh tế năng động và có sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Nhìn chung, chính sách hợp tác của Mỹ với ASEAN ở các phương diện khác nhau trước hết xuất phát từ lợi ích của Mỹ trong khu vực. Ngoài những lợi ích cụ thể từ những hợp tác song phương và đa phương, mục tiêu của Mỹ nhằm cân bằng lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực, tập hợp lực lượng theo hướng có lợi cho Mỹ, phục vụ cho chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của

¹ *Hợp tác kinh tế là ưu tiên hàng đầu của ASEAN và Mỹ*, vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/2006/11/3B9F08B4.

Mỹ. Trong quá trình thực hiện mục tiêu này, Mỹ sẽ vấp phải những thách thức từ các đối thủ và ở mức độ nhất định sẽ tác động tới quan hệ của Mỹ với ASEAN. Các nước ASEAN cũng phải giải bài toán trong việc cân bằng mối quan hệ của ASEAN với Mỹ và với các cường quốc khác. Tiếp tục đề cao nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đồng thời thực hiện đoàn kết, tôn trọng chủ quyền và lợi ích của nhau sẽ là một công cụ hiệu quả cho các nước ASEAN trong việc giải quyết những vướng mắc trong quan hệ với Mỹ cũng như với các cường quốc khác.

(Bài viết công bố trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “ASEAN - 40 năm nhìn lại và hướng tới”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 9-2007, tr. 357-374.)

